| | |
|---|---|
| **TÒA PHÚC THẨM**<br>**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**<br>**TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **74**/2025/HC-PT
Ngày: 20/8/2025
*V/v:" Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai".*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Lê Văn Thường**

*Các thẩm phán:* ông **Nguyễn Tấn Long**

bà **Trần Thị Kim Liên**

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thoa - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện**: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1946 *(đã chết)*

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông* Nguyễn Đức T*:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1977; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1987; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Quốc P1, sinh năm 1988; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1981; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã T, thành phố Đà Nẵng).

6. Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã T, thành phố Đà Nẵng); có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1991;

8. Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã T, thành phố Đà Nẵng); vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã T, thành phố Đà Nẵng); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Lê Pha L1, Công ty L4, đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

**- Người bị kiện**:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã N, thành phố Đà Nẵng); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Đà Nẵng); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Chí C1 phó trưởng phòng Kinh tế xã N; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1964.

2. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1959

3. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1957

4. Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1987

5. Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1989.

6. Ông Bùi Văn N2, sinh năm 1979

7. Bà Trương Thị T4, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã T, thành phố Đà Nẵng); vắng mặt.

7. Ông Nguyễn M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Đ, thôn C, xã Q, huyện K, tỉnh Đắc Lắk (nay thuộc xã K, tỉnh Đắc Lắk); vắng mặt.

Theo đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức T1.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện trình bày:*

Tháng 10 năm 1993, ông Nguyễn Đức T có nhận chuyển nhượng ngôi nhà cột gỗ tròn, mái lợp giấy dầu đen, phênh thưng nứa gắn liền với đất của ông Nguyễn M tại ngã 3 Bà H thuộc thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; tứ cận thửa đất: phía Đông giáp với đường T, phía Tây giáp với nhà kho ngoại thương, phía Nam giáp với nhà ông Nguyễn M, phía Bắc giáp đường đi T (nay là đường Trung tâm hành chính huyện N); đơn chuyển nhượng đất giữa ông T và ông M có xác nhận của tổ trưởng là ông Trần Xuân B vào ngày 11/10/1993.

Sau đó, ông T nhận chuyển nhượng nhà vườn của ông T5 và sinh sống ở đó cho đến nay. Riêng ngôi nhà nhận chuyển nhượng của ông M thì ông T cho vợ chồng ông Bùi Văn M1 (trú tại thôn A, xã T) mượn ở tạm năm 1995, sau đó ông T cho vợ chồng bà Ngô Thị D mượn ở tạm 7 tháng trong năm 1996. Đến năm 1997, ông T cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N1, bà Trần Thị T3 mượn ở tạm để buôn bán, hai bên không ghi giấy tờ cho mượn. Sau này, khi ông T yêu cầu vợ chồng bà T3 trả nhà lại cho ông T nhưng bà T3 trì hoãn, không chịu trả nhà. Năm 2008, ông T đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) xã T giải quyết buộc ông N1, bà T3 trả nhà cho ông T, nhưng ông bà vẫn không thực hiện, ông T khiếu nại đến nhiều cơ quan chức năng để giải quyết nhưng vẫn không được giải quyết.

Vừa qua, ông T mới biết bà T3 đã lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và đã được UBND huyện T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W484441 ngày 17/7/2003 đối với thửa đất 37, tờ bản đồ số 11, loại đất ở, diện tích 89m². Nhà, đất của gia đình ông T nhận chuyển nhượng cho vợ chồng bà T3 mượn tạm, hai bên tranh chấp tài sản này, ông T đã gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền rất nhiều năm, thế nhưng bà T3 vẫn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này vì thế ông T tiếp tục khiếu nại.

Ngày 20/5/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 981/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T, nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông T, giữ nguyên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 771952 cho bà T3.

Không đồng ý với quyết định trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai với bà Trần Thị T3 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị T3, hủy quyết định giải quyết khiếu của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam theo Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 42/2021/QĐST-DS ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, ngày 10/10/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định tách vụ án số 01/2024/QĐST-DS quyết định tách thành 02 vụ án gồm: vụ án dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" và vụ án hành chính

về "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai". Do đó, tại vụ án hành chính này, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 771952, do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ bà Trần Thị T3 vào ngày 10/12/2014 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42, diện tích 144,1m$^2$, tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T.

***Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện*** UBND huyện N ***và Chủ tịch*** huyện N ***trình bày:***

- Việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 771952, do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ bà Trần Thị T3 vào ngày 10/12/2014 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42, diện tích 144,1m² tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vấn đề này Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Việc kê khai, đăng ký và xác lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2014/TTBTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T6 và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Qua 02 lần tổ chức kê khai đăng ký, đo đạc bản đồ, xác lập hồ sơ địa chính vào các năm 2001 và 2012, tại thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Trần Thị T3 không xảy ra việc tranh chấp, khiếu nại hay kê khai đăng ký của chủ hộ nào (kể cả gia đình ông Nguyễn Đức T).

Vì vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà hộ Trần Thị T3 là đúng quy định pháp luật.

- Đối với yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 981/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N: Ủy ban nhân dân huyện N sau khi nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức T đã tiến hành thụ lý khiếu nại và thực hiện theo đúng trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Do đó, UBND huyện N và Chủ tịch UBND huyện N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

***Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông*** Bùi Văn N2 ***và bà*** Trương Thị T4 ***trình bày***

Năm 2021, bà T4 và ông N2 nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị T3 thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42, diện tích 144,1m$^2$ tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam và ngôi nhà gắn liền trên đất, đã được Chi nhánh Văn phòng Đ1 chỉnh lý biến động ngày 30/6/2021. Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình ông T tranh chấp, ngăn cản không cho ông bà sử dụng nhà và đất trên. Vì không sử dụng được trong thời gian dài nên nhà xuống cấp trầm trọng, gây thiệt hại cho gia đình ông bà. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông bà.

***Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông** Nguyễn M **trình bày:***

Năm 1990, ông Nguyễn M có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn R một thửa đất gần ngoại thương, ông R đưa đất cho ông còn ông cho lại hàng hóa cho ông R, hai bên không có viết giấy tờ gì. Ông M nhận chuyển nhượng của ông R với chiều ngang khoảng 20m, chiều dài khoảng 20m, diện tích khoản 400m$^2$. Thửa đất trên từ khi nhận chuyển nhượng từ ông R thì ông M không có kê khai đăng ký, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10/02/1993, ông M có chuyển nhượng cho ông T thửa đất có kích thước chiều sâu 5m, chiều dài 20m, giáp ranh sau hè ngoại thương và nhà ông L3, trên đất có nhà vách, ván lợp bằng tấm dầu Liên X và vài tấm tôn cũ. Khi chuyển nhượng thực hiện bằng hình thức viết giấy viết tay, có ông B làm tổ an ninh khu vực đó ký tên, với giá là 05 phân vàng. Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

***Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:***

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T về yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 771952 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ bà Trần Thị T3 vào ngày 10/12/2014 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42, diện tích 144,1m$^2$ tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Hủy Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/5/2025, ông Nguyễn Đức T1 có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đức T1; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42, diện tích 144,1m² thuộc thôn B, xã T huyện N hồ sơ địa chính lập năm 2012) tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng) nguyên trước đây là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 11, diện tích 89m² (hồ sơ địa chính lập năm 2001) và là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, diện tích 153,4m² (hồ sơ địa chính lập năm 2004). Theo Chi nhánh Văn phòng Đ1: thửa đất trên có số tờ, số thửa, diện tích khác nhau do sự biến động và kỹ thuật đo đạc nhưng qua 03 lần đo đạc, lập hồ sơ địa chính thì là trên cùng một vị trí và được hộ gia đình bà Trần Thị T3 liên tục kê khai, đăng ký và được cấp GCNQSDĐ.

[2] Qua thời gian sử dụng đất ở lâu dài, liên tục từ năm 1998 đến năm 2014, đất ở được UBND xã T cho mượn tạm để làm nhà ở, hộ gia đình bà Trần Thị T3 đã thực hiện liên tục việc kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua các năm 2003 (đã được thu hồi) và 2012, tại các thời điểm đo đạc lập hồ sơ địa chính để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 và 2012 không có khiếu nại, khiếu kiện về tranh chấp đất ở đối với thửa đất mà hộ gia đình bà Trần Thị Tiên sinh S1, buôn bán ổn định.

[3] Việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị T3 tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42, diện tích 144,1m² thuộc thôn B, xã T huyện N được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và hướng dẫn chi tiết thực hiện tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[4] Ngày 16/12/2020, ông Nguyễn Đức T có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện N về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T3, trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam trên phần diện tích đất đang tranh chấp với hộ gia đình ông T. Ngày 02/3/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 596/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Đức T cho Thanh tra huyện N. Ngày 09/3/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 629/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Đoàn xác minh đã tiến hành làm việc với cá nhân, tổ chức có liên quan, đối thoại với người khiếu nại và báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Đức T. Ngày 20/5/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 981/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

[5] Như vậy ông Nguyễn Đức T không phải là chủ sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42 tại thôn B, xã T, huyện N; hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện: ông T chỉ kê khai đăng ký và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/7/2003 đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 11, diện

tích 464m$^2$, loại đất ở + vườn, tại thôn B, xã T, huyện N (BL 189-197), không có kê khai, đăng ký đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42 tại thôn B, xã T, huyện N. Việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị T3 đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42, diện tích 144,1m$^2$, loại đất ở tại thôn B, xã T, huyện N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 981 về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T, quyết định "Giữ nguyên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 771952 vào ngày 10/12/2014, loại đất ở, diện tích 144,1m$^2$ tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 42, địa chỉ thửa đất: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013" là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kiện kiện về yêu cầu hủy Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T.

[6] Từ các phân tích trên và tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức T1, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[7] Theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì ông T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức T1 và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 38/2025/HC-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*".

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Đức T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai 0000393 ngày 11/6/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDTC;
- VCT&XXPT tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà nẵng;
- THADS TP Đà nẵng ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thường**